TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2019
V/v:"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, T. BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê
2. Bà Hoàng Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Nữ Lệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa*:** Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 173/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về *"Tranh chấp quan hệ hôn nhân, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim T – sinh năm 1991
Trú tại: Tổ 5, khu phố Núi Dinh, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Dương Thanh Th – sinh năm 1990
Trú tại: Tổ 5, khu phố Núi Dinh, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Bà T có mặt, ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim T trình bày:

Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Dương Thanh Th chính thức chung sống với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngay từ thời gian đầu chung sống giữa ông bà đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với gia đình chồng nên thường xuyên xảy ra xung đột, mặt khác giữa bà và ông Th tình tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn cũng như trong cuộc sống hàng ngày. Bà T đã nhiều lần cố gắng dung hòa để mong giữ gìn hạnh phúc gia

đình nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm trọng hơn, vì không thể tiếp tục chung sống nên bà T đã ra ngoài ở riêng khoảng 7 tháng nay, vợ chồng ly thân không còn sống chung và không còn tình cảm với nhau. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà T và ông Th có 02 con chung là Dương Triệu N, sinh ngày 01/7/2014 và Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/9/2016. Hiện hai cháu N, Đ đang sống chung với ông Th nên bà T yêu cầu giao cả hai con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 750.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà T xác định mâu thuẫn đã quá căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Th.

[2]. Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Thanh Th trình bày:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Th đến Toà làm việc nhưng ông Th không đến Toà mà chỉ có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Th trình bày: Ông Th khai về thời gian kết hôn, con chung giống như bà T đã trình bày, ông Th cũng xác nhận quá trình chung sống giữa ông và bà T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng đến mức không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung là cháu Dương Triệu N, sinh ngày 01/7/2014 và Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/9/2016, từ nhỏ đến nay các cháu sống chung với ông và bà nội nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và đồng ý việc bà T cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng/cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung ông Th xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng theo quy định từ các Điều 93 đến Điều 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt các quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Th và bà T đã trầm trọng, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên nhưng bà T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Do đó, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông Th; về con chung: ông Th được quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung, bà T cấp dưỡng nuôi con với mức 750.000 đồng/tháng/cháu; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, về án phí bà T phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Kim T có đơn xin ly hôn, ông Dương Thanh Th có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại thành phố Bà Rịa nên tranh chấp nói trên được xác định là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Dương Thanh Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Kim T và ông Dương Thanh Th là hôn nhân tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do giữa bà T và ông Th có nhiều điểm không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khi vợ chồng không còn tôn trọng, yêu thương nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống không có hạnh phúc, ông bà đã ly thân 7 tháng nay, vợ chồng không còn quan tâm lo lắng cho nhau, mỗi người tự lập cuộc sống riêng của mình. Bản thân ông Th dù không đến Toà tham gia các phiên hoà giải cũng như phiên toà hôm nay nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Th đã trình bày nguyện vọng về quan hệ hôn nhân cũng như quyền nuôi dưỡng con sau khi ly hôn. Ông Th xác nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật và không thể hàn gắn nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà T. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông Th thực sự không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc ly hôn với ông Th.

[3]. Về con chung: Bà T ông Th có 02 con chung là cháu Dương Triệu N, sinh ngày 01/7/2014 và Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/9/2016. Các cháu đều đang chung sống với ông Th, cả bà T và ông Th cùng có nguyện vọng giao 02 con chung cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Bà T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với mức 750.000 đồng/tháng/cháu, ông Th đồng ý. Xét thấy, sự thoả thuận của ông Th và bà T về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần công nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Cả ông Th và bà T cùng xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà T phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim T.

+ Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim T được ly hôn với ông Dương Thanh Th.

+ Về con chung: Bà Huỳnh Thị Kim T và ông Dương Thanh Th có 02 con chung là Dương Triệu N, sinh ngày 01/7/2014 và Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/9/2016. Ông Dương Thanh Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là Dương Triệu N, sinh ngày 01/7/2014 và Dương Quốc Đ, sinh ngày 20/9/2016 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Công nhận sự tự nguyện của bà T về việc cấp dưỡng nuôi con với mức 750.000 đồng/tháng/cháu, thực hiện việc cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/8/2019 cho đến khi các cháu N, Đ trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không có yêu cầu nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2017/0008617 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà T phải nộp thêm 300.000 đồng án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2019), đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT
- VKSND TP. BR
- Các đương sự
- UBND nơi ĐKKH
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Anh